

## BÁO CÁO

### Kết quả khảo sát về tình hình đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019 – 2021

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ- HĐND ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc thành lập Đoàn khảo sát tình hình đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019 – 2021 (viết tắt là ĐBDTTS đã thoát nghèo). Đoàn khảo sát của Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã tiến hành khảo sát tại Sở lao động – Thương binh và Xã hội, UBND các huyện: Cư Jút, Tuy Đức, Đắk Glong, đồng thời xem xét báo cáo của UBND thành phố Gia Nghĩa và các huyện: Krông Nô, Đắk Song, Đắk Mil, Đắk R'Lấp. Trên cơ sở đó, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả khảo sát như sau:

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Đắk Nông là một tỉnh miền núi, biên giới có 40 thành phần dân tộc cùng sinh sống. Toàn tỉnh có 07 huyện và 01 thành phố; 71 xã, phường, thị trấn, trong đó 46 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 143 thôn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi (giai đoạn 2021 – 2025). Dân số toàn tỉnh hiện nay khoảng 687.188 người, dân tộc thiểu số hơn 212.658 người, chiếm tỷ lệ 31% dân số toàn tỉnh; trong đó có 03 dân tộc tại chỗ (M'Nông, Mạ, Ê Đê) khoảng 69.756 người, chiếm tỷ lệ 32,8% đồng bào dân tộc thiểu số chung.

Về tỷ lệ hộ nghèo: căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 (gọi tắt là Quyết định số 59), kết quả rà soát hộ nghèo trên địa bàn tỉnh như sau: (có Phụ lục 1 kèm theo).

Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị định số 07/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07), theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 18.290 hộ, chiếm tỷ lệ 11,19%. Trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 12.789 hộ, chiếm tỷ lệ 27,98% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số (có Phụ lục 2 kèm theo). Như vậy theo tiêu chí xác định hộ nghèo, cận nghèo tại Nghị định số 07 thì số hộ nghèo năm 2021 toàn tỉnh tăng hơn 2 lần so với chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 59.

## II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

### 1. Các văn bản triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ sau khi thoát nghèo cho ĐBDTTS từ 2019 - 2021

Trong những năm qua, tỉnh Đắk Nông đã xác định công tác giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ mục tiêu được ưu tiên hàng đầu trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, việc ban hành các chính sách hỗ trợ hộ dân đã thoát nghèo, đặc biệt là hộ ĐBDTTS đã thoát nghèo vươn lên làm kinh tế luôn được chú trọng, quan tâm.

Cấp ủy, chính quyền tỉnh Đắk Nông đã ban hành nhiều nghị quyết hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số sau khi thoát nghèo<sup>1</sup>. UBND các huyện, thành phố đã nghiêm túc chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản của cấp trên; xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn quan tâm hỗ trợ các hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo với mục tiêu thoát nghèo bền vững tránh tình trạng tái nghèo<sup>2</sup>.

### 2. Kết quả thực hiện

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh và ĐBDTTS đã đoàn kết, khắc phục khó khăn và phấn đấu thực hiện, đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh. Kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư phát triển toàn diện; đời sống, thu nhập của đồng bào được cải thiện đáng kể; giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội vùng đồng bào các DTTS có nhiều chuyển biến tiến bộ; các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội truyền thống các dân tộc được duy trì,... Vì vậy, tỷ lệ hộ thoát nghèo hàng năm đều tăng, cụ thể: năm 2019 có 5.162 hộ thoát nghèo; năm 2020 có 6.179 hộ thoát nghèo; năm 2021 có 4.809 hộ thoát nghèo (có Phụ lục 3 kèm theo).

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông về công tác giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của tỉnh Đắk Nông.

<sup>2</sup> Huyện Cư Jút: Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 11/5/2021 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021.

Huyện Tuy Đức: Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch giảm nghèo bền vững huyện Tuy Đức giai đoạn 2019-2020 (Chương trình 30a); Quyết định số 1921/QĐ-UBND (Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục số 01 và 02) tại Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND huyện Tuy Đức về việc phê duyệt Kế hoạch giảm nghèo bền vững huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019 - 2020.

2.1. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ đối với ĐBDTTS thoát nghèo theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND).

Qua khảo sát thực tế cho thấy, các chính sách của Trung ương và của tỉnh đối với ĐBDTTS sau khi thoát nghèo được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Các chính sách hỗ trợ này đã có tác động tích cực đến đời sống đồng bào, kịp thời hỗ trợ hộ ĐBDTTS thoát nghèo có điều kiện chăm sóc sức khỏe, học tập, lao động, sản xuất kinh doanh thuận lợi thoát nghèo bền vững hơn.

Nghị quyết số 12 ban hành, các cấp, các ngành, chính quyền và người dân đồng thuận triển khai thực hiện. Trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2019, tháng 3/2020 trên địa bàn toàn tỉnh đã có 2.903 hộ nghèo đã tự nguyện làm đơn cam kết thoát nghèo, qua đó cho thấy tính hiệu quả, khả thi của chính sách, nâng cao nhận thức hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững. Cụ thể, theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các chính sách được thực hiện đối với đối tượng thoát nghèo là ĐBDTTS như sau:

- Chính sách cấp thẻ BHYT cho đối tượng thoát nghèo là ĐBDTTS: năm 2020 đã cấp cho 650 đối tượng với tổng kinh phí là 48.548.245 đồng.

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập: năm 2020 đã hỗ trợ chi phí học tập cho 124 em với kinh phí là 65.900.000 đồng.

## 2.2. Thực trạng đời sống của ĐBDTTS sau khi thoát nghèo

Nhìn chung, sau khi thoát nghèo, phần lớn bà con DTTS đều phấn khởi, tập trung làm kinh tế, ổn định đời sống. Nhiều hộ mới thoát nghèo được tiếp cận các dự án, tiểu dự án, được hỗ trợ vay vốn có ưu đãi lãi suất vươn lên làm giàu đã góp phần hạn chế tái nghèo, giảm nghèo bền vững. Đa số các hộ dân sau khi thoát nghèo đã không còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, điển hình, các hộ dân ở xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức; xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế cho thấy, hiện nay vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh vẫn luôn là vùng khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp, kinh tế - xã hội phát triển chậm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản còn hạn chế, trình độ sản xuất còn thấp; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa và nhu cầu nâng cao đời sống nhân dân. Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số thiếu kinh nghiệm, vốn đầu tư cho sản xuất, một số nơi đồng bào còn thiếu đất sản xuất. Khả năng tiếp thu các phương thức sản

xuất mới, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của đồng bào còn nhiều hạn chế. Vì vậy, số hộ nghèo, cận nghèo và tình trạng tái nghèo là hộ ĐB DTTS vẫn chiếm tỷ lệ cao. Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2019, trên địa bàn toàn tỉnh có 122 hộ tái nghèo, trong đó có 98 hộ ĐBDTTS; năm 2020 có 77 hộ tái nghèo, trong đó có 59 hộ ĐBDTTS; năm 2021 có 135 hộ tái nghèo, trong đó có 114 hộ ĐBDTTS. Nguyên nhân tái nghèo đa số do gia đình có người ốm đau, bệnh hiểm nghèo; gặp tai nạn; do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; một số trường hợp sau khi thoát nghèo tái nghèo trở lại do tách hộ, thiếu đất sản xuất, thiếu lao động, thiếu việc làm; còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

### *2.3. Công tác phối hợp triển khai thực hiện hỗ trợ ĐBDTTS thoát nghèo bền vững*

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, vận động ĐBDTTS thoát nghèo bền vững, vươn lên làm giàu đã được sự quan tâm, phối hợp của các cấp, các ngành, thể hiện bằng nhiều hình thức: hệ thống panô, áp phích, phát thanh truyền hình, các nhóm group trên mạng xã hội và hệ thống loa truyền thanh xã, phường, thị trấn,... người dân được tiếp cận nhiều thông tin kiến thức, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước; giúp người dân có sự chuyển biến lớn trong nhận thức về ý chí chủ động, tìm cách khắc phục khó khăn lao động, sản xuất phát triển kinh tế gia đình; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, ổn định đời sống gia đình.

Bên cạnh đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, sự đồng thuận của nhân dân trong triển khai hỗ trợ các hộ ĐBDTTS thoát nghèo bền vững, các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vận động xã hội hóa và lồng ghép từ các chính sách đào tạo nghề, xây dựng nông thôn mới, các chính sách giảm nghèo được thực hiện khá đồng bộ trên địa bàn tỉnh. Nhiều đơn vị, địa phương đã nhận thức rõ được ý nghĩa, yêu cầu, mục tiêu về giảm nghèo bền vững trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đã tích cực, chủ động triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện hỗ trợ trước và sau khi hộ dân đã thoát nghèo (*điển hình như huyện Đăk Song có kế hoạch "5 cán bộ công chức, viên chức là đảng viên giúp 1 hộ thoát nghèo"*).

Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy, việc phối hợp, lồng ghép giữa các chương trình, dự án giữa các ngành, cơ quan chuyên môn, quản lý nhà nước còn thiếu sự gắn kết, hiệu quả chưa cao. Công tác kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn những vướng mắc trong quá trình thực hiện hỗ trợ ĐBDTTS sau khi thoát nghèo của các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, đầu mối tham mưu UBND tỉnh chưa thực sự sát sao, còn hạn chế; dẫn đến chưa nắm rõ tình hình đời sống đồng

bào sau khi thoát nghèo; không cập nhật theo dõi số hộ thoát nghèo, tái nghèo và nguyên nhân tái nghèo, để có những giải pháp hiệu quả giúp người dân thoát nghèo bền vững, giảm nguy cơ tái nghèo.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Ưu điểm**

Trong thời gian qua việc triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo và hỗ trợ các hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh đã huy động được sự quan của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, người dân và đặc biệt của chính người ĐBDTTS nghèo, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác xóa đói giảm nghèo. Các chương trình chính sách giảm nghèo của Trung ương và các chính sách đặc thù của địa phương đối với ĐBDTTS là rất phù hợp, công tác giảm nghèo cơ bản đạt các mục tiêu đề ra. Các chính sách đối với ĐBDTTS đã thoát nghèo trên địa bàn tỉnh cơ bản triển khai đúng chế độ, đúng đối tượng; việc hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; chính sách hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình y tế tự nguyện; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh là con của hộ đã thoát nghèo, hỗ trợ lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh đến các hộ ĐBDTTS mới thoát nghèo góp phần không nhỏ đến việc đảm bảo an sinh xã hội, tạo tiền đề cho ĐBDTTS thoát nghèo bền vững và giảm tình trạng tái nghèo.

Nhìn chung, cuộc sống của các hộ ĐBDTTS sau khi thoát nghèo đã được cải thiện một cách rõ rệt cụ thể: gia đình đã có điện thắp sáng, nước sạch, nhà vệ sinh, tỷ lệ học sinh đến trường chuyên cần cao, hạn chế được số học sinh bỏ học. Đa số các hộ dân sau khi thoát nghèo đã có ý thức tự lực vươn lên làm kinh tế, làm giàu chính đáng, không muốn tái nghèo trở lại.

#### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Sự phối hợp giữa các cơ quan, ngành, địa phương cơ sở trong công tác triển khai, thực hiện mục tiêu “giảm nghèo bền vững” chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ; mới tập trung vào mục tiêu “giảm nghèo” chưa quan tâm nhiều đến tính “bền vững”. Vì vậy, nhiều hộ ĐBDTTS thoát nghèo nhưng không bền vững, tái nghèo nhanh.

Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở cơ sở còn nhiều hạn chế, thiếu sự nhiệt tình, nhạy bén, sáng tạo để nắm chắc tình hình ở địa phương. Bởi chỉ có thể thoát nghèo nhanh và bền vững khi xác định được đúng nguyên nhân nghèo, nguy cơ tái nghèo để có giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng hộ.

Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, công tác cập nhật dữ liệu hộ thoát nghèo, tái nghèo nói chung và

hộ thoát nghèo, tái nghèo là ĐBDTTS chưa được quan tâm thường xuyên; thiếu thông tin số liệu kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ cho ĐBDTTS đã thoát nghèo; chưa nắm được số hộ tái nghèo, thời gian và nguyên nhân tái nghèo,.. đã ảnh hưởng đến việc tổng hợp, đánh giá và báo cáo của Đoàn khảo sát Ban Dân tộc HĐND tỉnh (*mặc dù đã có báo cáo bổ sung*).

*\* Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:*

Tỉnh Đắk Nông là một tỉnh nghèo, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hộ thoát nghèo chưa nhiều, mức hỗ trợ còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế cho các hộ mới thoát nghèo, đặc biệt hộ thoát nghèo là ĐBDTTS. Việc sử dụng các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước chưa thực sự hiệu quả, hộ thoát nghèo thiếu đất sản xuất, việc làm không ổn định nên thoát nghèo chưa bền vững, còn tái nghèo ở nhiều địa phương.

Chương trình giảm nghèo bền vững chủ yếu được thực hiện cụ thể hóa tại cơ sở. Tuy nhiên, phần lớn đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở đều kiêm nhiệm, khối lượng công việc nhiều, điều kiện làm việc, phụ cấp chưa tương xứng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác thông tin, tuyên truyền, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế, khó khăn (*thời gian, địa lý, phương tiện, ngôn ngữ, ...*), dẫn đến việc tiếp cận các dịch vụ xã hội, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh chưa đầy đủ.

Bên cạnh đó trình độ dân trí chưa đồng đều, chất lượng nhân lực thấp, nhiều hộ gia đình còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo bền vững. Hạ tầng kinh tế - xã hội thiếu đồng bộ, giao thông đi lại khó khăn, diện tích đất canh tác hạn chế, người dân còn thiếu tư liệu sản xuất.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có các nhiệm vụ triển khai thực hiện giảm nghèo bền vững chưa đầy đủ, rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Công tác xã hội hóa, giúp đỡ hộ thoát nghèo chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Chủ yếu tập trung hỗ trợ đối với các hộ nghèo, cận nghèo.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

##### **1. Đối với UBND tỉnh**

1.1. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ ĐBDTTS cần có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và triển khai đồng bộ, đầy đủ nội dung chính sách. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan đơn vị, địa phương thực hiện rà soát, đánh giá các tiêu chí theo

chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các sở, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền huyện trong điều chỉnh, quy hoạch dân cư; quy hoạch và xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển du lịch và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; xem xét lồng ghép các chính sách trên cùng địa bàn để đảm bảo phát huy hiệu quả. Quan tâm hỗ trợ nguồn vốn đối ứng của tỉnh để thực hiện các chương trình, dự án, chính sách đầu tư trong vùng đồng bào DTTS theo cơ cấu quy định của từng chương trình, dự án, chính sách nhằm phát huy mọi nguồn lực để đầu tư vùng đồng bào DTTS phát triển nhanh và bền vững.

1.2. Trên cơ sở các Nghị quyết, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 đã được Quốc hội, Chính phủ phê duyệt, ban hành chỉ đạo các cơ quan tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh sát với tình hình thực tiễn của địa phương, nghiên cứu tham mưu xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ các hộ mới thoát nghèo, đặc biệt là hộ thoát nghèo người ĐBDTTS đang sinh sống tại các phường, thị trấn và xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

## 2. Chỉ đạo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

2.1. Tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, vai trò trách nhiệm của đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp. Thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm hơn trong việc xây dựng khung kết quả của Chương trình giảm nghèo bền vững toàn tỉnh, đặc biệt hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; đặc biệt định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất phải kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; xây dựng và cập nhật thường xuyên vào hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp, làm cơ sở cho việc lựa chọn giải pháp hỗ trợ thoát nghèo phù hợp và căn cứ để rà soát công nhận hộ nghèo, hộ thoát nghèo hằng năm chất lượng, hiệu quả hơn.

2.2. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ công tác quản lý nhà nước, các chính sách hỗ trợ ĐBDTTS thoát nghèo trên địa bàn; tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện các chính sách cho ĐBDTTS đã thoát nghèo, từ đó có kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2021 – 2025.

## 3. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

3.1. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án theo nhiệm vụ được phân công. Chỉ đạo

ngành chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động, tiếp xúc, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, đời sống của người dân, đặc biệt đối với các hộ ĐBDTTS trước và sau khi đã thoát nghèo; hướng dẫn các xã, thị trấn theo dõi, hỗ trợ, tiếp cận với phương châm "Cùng nghĩ, cùng bàn, cùng làm" hướng dẫn và xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế cho từng hộ theo nguyện vọng và phù hợp điều kiện, khả năng của người nghèo. Thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm nghèo bền vững; tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân trên địa bàn.

3.2. Phối hợp các sở, ngành cấp tỉnh đổi mới phương pháp và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo, đồng bào DTTS tiếp cận các dịch vụ xã hội và các chế độ, chính sách, ưu đãi dành cho họ (*vay vốn lãi suất thấp; hỗ trợ bảo hiểm y tế, giáo dục, nhà ở, tiếp cận thông tin, hỗ trợ pháp lý,...*); tiếp tục nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả, huy động mọi nguồn lực từ công tác xã hội hóa, các nguồn vốn lồng ghép để hỗ trợ cho người nghèo. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chú trọng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp, nhất là đào tạo lao động cho con em người nghèo. Tư vấn, thuyết phục nhằm nâng cao nhận thức, ý chí tự giác, tự lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát về tình hình đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019 – 2021. Ban Dân tộc HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các thành viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở LĐ, TB&XH;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Phòng CT HĐND;
- Lưu VT, BDT;

**TM. BAN DÂN TỘC  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Hương**



Phụ lục 1:

**TỔNG HỢP HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH** (kết quả rà soát theo Quyết định số 59)  
(kèm theo Báo cáo số: 28/BC-HĐND ngày 06/6/2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

TT	Năm	Tổng dân số		ĐBDTTS		Tổng số hộ nghèo		Hộ nghèo là ĐBDTTS		Hộ nghèo là ĐBDTTSTC		Ghi chú
		Số khẩu (khẩu)	Số hộ (hộ)	Số khẩu (khẩu)	Số hộ	Tổng hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	
1	2019	666.713	162.832	214.453	46.561	17.128	10,52%	11.246	24,15%	4.822	31,59%	
2	2020	687.188	168.841	216.286	47.321	11.785	6,98%	8.128	17,18%	3.513	22,80%	
3	2021	677.616	163.450			7.877	4,82%	5.042	11,28%	2.933	17,93%	

Phụ lục 2:

**TỔNG HỢP HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021** (kết quả rà soát theo Nghị định số 07)  
(kèm theo Báo cáo số: 28/BC-HĐND ngày 06/6/2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

TT	Năm	Tổng dân số		Tổng số hộ nghèo		Hộ nghèo là ĐBDTTS		Hộ nghèo là ĐBDTTSTC		Ghi chú
		Số khẩu (khẩu)	Số hộ (hộ)	Tổng hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	
3	2021	677.616	163.450	18.290	11,19%	12.789	27,98%	5.187	32,81%	

Phụ lục 3:

**TỔNG HỢP HỘ THOÁT NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(kèm theo Báo cáo số: 28/BC-HĐND ngày 06/6/2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

TT	Năm	Số hộ thoát nghèo				Số hộ tái nghèo				Ghi chú
		Số hộ thoát nghèo	Tỷ lệ so với hộ nghèo của năm trước	Số hộ ĐBDTTS thoát nghèo	Tỷ lệ so với hộ thoát nghèo chung	Tổng số hộ tái nghèo chung	Tỷ lệ so với hộ thoát nghèo	Hộ ĐBDTTS tái nghèo	Tỷ lệ so với hộ ĐBDTTS tái nghèo	
1	2019	5.162	24,49%	4.074	78,9%	122	2,36%	98	80,3%	Kết quả rà soát theo chuẩn nghèo áp dụng giai đoạn 2016 – 2020 (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)
2	2020	6.179	36,08%	3.118	50,4%	77	1,25%	59	76,6%	
3	2021	4.809	40,08%	2.772	57,6%	135	2,81%	114	84,4%	